

Bản án số: 364/2018/DS-PT

Ngày: 10/4/2018

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Đức Hạnh

Các thẩm phán:

Bà Phan Thị Tú Oanh

Ông Uông Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Tấn Đông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 671/2017/DSPT ngày 23 tháng 11 năm 2017, về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 95/2017/DS-ST ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1070/2018/QĐ-PT ngày 13/3/2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: D3/67 ấp B2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: C2/48 ấp B1, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn H, sinh năm 1967 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: D3/76 ấp B2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 26/5/2016 bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Vào khoảng năm 2012, bà Nguyễn Thị Cẩm T có cho bà Nguyễn Thị Đ vay nhiều lần tiền, không có lập giấy tờ. Sau đó bà Đ lập giấy mượn tiền với nội dung bà Đ có nợ của bà T số tiền 200.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi, thời gian trả là hạn cuối năm 2012, khoản vay này bà Đ chưa trả cho bà T số tiền nào.

Đến khoảng tháng 8 năm 2012 thì bà Đ có mượn thêm bà T số tiền 78.000.000 đồng và 500 USD, khoản vay này không lập giấy tờ, không có thỏa thuận lãi, không thỏa thuận thời gian trả. Đối với khoản vay này thì bà Đ có trả được cho bà T với số tiền 15.000.000 đồng, việc trả nợ không lập giấy tờ. Số nợ còn lại là 63.000.000 đồng và 500 USD (tương đương với 11.000.000 đồng), tổng cộng là 74.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay trên thì bà Đ có thể chấp cho bà T 02 bản chính giấy đăng ký xe của Võ Ngọc T1 và Võ Ngọc T2 là chồng và con của bà Đ. Sau đó thì bà T đã trả lại 02 bản chính giấy đăng ký xe trên cho bà Đ.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền 200.000.000 đồng và 74.000.000 đồng, tổng cộng là 274.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa không thể ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị Đ.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H trình bày : ông là chồng của bà T, việc bà T có cho bà Đ vay tiền nhiều lần thì ông có biết nhưng không biết số tiền là bao nhiêu, đây là số tiền riêng của bà T, ông không liên quan đến. Ông Hải thống nhất với bà T yêu cầu bà Đ trả số tiền 274.000.000 đồng, ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 95/2017/DS-ST ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả lại số tiền 74.000.000 đồng.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Đ chưa thực nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

- Ngày 03/11/2017, bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo cho rằng giấy tờ mượn nợ số tiền 200.000.000 đồng là giả mạo.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày mình không mượn bà T số tiền 200.000.000 đồng như nguyên đơn đã trình bày nhưng khi Tòa án công bố nội dung giấy mượn tiền như nguyên đơn yêu cầu thì bà xác nhận chữ viết và chữ ký là của bà. Tuy nhiên, bà viết và ký xác nhận mượn nợ trong trạng thái tinh thần không được ổn định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm .

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về tố tụng:

Do người liên quan ông Trần Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt ông Hải theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Tại đơn kháng cáo bà Nguyễn Thị Đ cho rằng giấy mượn nợ mà bị đơn cung cấp là giấy tờ giả mạo nhưng bà không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của mình trong giấy mượn nợ này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ đã xác nhận giấy nhận nợ do nguyên đơn cung cấp trong hồ sơ vụ án là chữ viết và chữ ký của bà nhưng bà đã viết và ký trong trạng thái tinh thần không được ổn định. Tuy nhiên, bà Đ lại không trình bày được chứng cứ cho rằng mình bị ép buộc hoặc lừa dối khi viết giấy mượn nợ này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào giấy nhận nợ này buộc bà Đ phải trả cho bà T 200.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn trả số tiền là 74.000.000 đồng, do số tiền vay này hai bên không lập giấy tờ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu này của bà T là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn cũng không có yêu cầu kháng cáo về vấn đề này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng khoản 1 Điều 148; Điều 273, Điều 277 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự 2005
- Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.
- Áp dụng Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
- Áp dụng Điều 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự

Tuyên xử:

- 1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ.
- 2/ Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 95/2017/DS-ST ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”, giữa nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Cẩm T với bị đơn – bà Nguyễn Thị Đ.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ trả lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả lại số tiền 74.000.000 (bảy mươi bốn triệu đồng)

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Đ chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 3.700.000 (ba triệu bảy trăm nghìn) đồng, được cản trừ

vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp là 6.850. 000 đồng (Sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020134 ngày 14/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị Cẩm T được nhận lại số tiền chênh lệch là 3.150.000 (Ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng)

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được cân trừ đi số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Đ đã nộp là 300.000 đồng (Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0030693 ngày 03/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B), bà Đ đã thi hành xong.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Uông Văn Tuấn

Phan Thị Tú Oanh

Nguyễn Đức Hạnh